

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 27/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Đinh Minh Tăng

bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án Minh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá: ông Đinh Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 05/11/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST- HS, ngày 13/11/2024, đối với bị cáo:

Võ Văn T; sinh ngày: 28/4/1991 tại huyện H, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn G; sinh năm 1970 và bà Trần Thị H, sinh năm 1967; vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1994 và 02 con, đứa lớn nhất sinh năm 2014, đứa nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/7/2024 đến ngày 06/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M; có mặt.

- người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T1; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện: ông Lê Quý Q; sinh năm 1975; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 11 giờ 10 phút ngày 31/7/2024, tại luồng nhập cảnh Nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu Quốc tế C1 thuộc xã D, huyện M, Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế C1 phối hợp với Phòng phòng, chống ma túy và tội phạm - Bộ đội Biên phòng tỉnh Q và Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 kiểm tra xe đầu kéo biển kiểm soát 34F-00941 kéo theo rơ móoc biển kiểm soát 34R-00445 do Võ Văn T điều khiển, chở hàng Kaly, làm thủ tục nhập cảnh từ Lào về Việt Nam. Quá trình kiểm tra trong cabin phương tiện phát hiện trong hộc cần số bên phải ghế lái có 01 gói giấy bạc được gói kín, mở kiểm tra bên trong có chứa 15 viên nén hình tròn, màu hồng, trên mặt của mỗi viên đều có in chữ “WY”. Võ Văn T khai nhận số viên nén trên là ma túy tổng hợp, dạng hồng phiến. Lực lượng chức năng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; tạm giữ đồ vật, tài liệu theo đúng quy định của pháp luật (mẫu ký hiệu A).

Quá trình điều tra Võ Văn T khai nhận: Ngày 26/7/2024, T điều khiển xe đầu kéo biển kiểm soát 34F-00941 kéo theo rơ móoc biển kiểm soát 34R-00445 xuất cảnh qua Lào tại cửa khẩu quốc tế C1. Khoảng 16 giờ ngày 26/7/2024, sau khi trả hàng xong T điều khiển xe đến thị xã T, nước Lào để nhận hàng hóa là K. Đến ngày 30/7/2024 sau khi bốc hàng xong, T điều khiển xe về hướng cửa khẩu quốc tế C1. Đến khoảng 01 giờ ngày 31/7/2024, T dừng xe ngủ bên đường cách L, Khăm Muôn, nước Lào khoảng 20 km thì có một người đàn ông người Lào đến hỏi T có mua ma túy hồng phiến không thì T đồng ý. T đưa cho người đàn ông đó 300.000 Kíp Lào và người đó đưa cho T 01 gói giấy bạc, bên trong có 15 viên ma túy hồng phiến. T gói số ma túy đó lại rồi cất giấu vào hộc cần số bên phải ghế lái trong cabin nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 11 giờ ngày 31/7/2024, trong quá trình nhập cảnh từ Lào về Việt Nam thì bị bắt giữ.

Tại Bản Kết luận giám định số 924/KL-KTHS ngày 03/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

Mẫu ký hiệu A là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 1,423 gam (một phẩy bốn trăm hai mươi ba gam).

Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 247, Danh mục IIC, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng giám định.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tạm giữ:

1. Số ma túy sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín, trên ghi nội dung “924/KL-KTHS”, niêm phong bằng hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q và chữ ký của những người tham gia niêm phong, ngoài cùng dán băng dính trong suốt;

2. Một (01) mảnh giấy bạc

3. Một (01) căn cước công dân số 040091028696 mang tên Võ Văn T;

4. Một (01) hộ chiếu số N2462651 mang tên Võ Văn T;

5. Một (01) giấy phép lái xe số 400165010779 mang tên Võ Văn T;

6. Một (01) giấy phép liên vận số 1704/2023 đối với xe đầu kéo biển kiểm soát 34F – 00941;

7. Một (01) giấy phép liên vận số 1389/2023 đối với rơ móc biển kiểm soát 34R – 00445;

8. Một (01) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu hồng, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong, số IMEI: 356573084961040;

9. Một (01) xe đầu kéo biển kiểm soát 34F-00941 kéo theo rơ móc biển kiểm soát 34R-00445, trên rơ móc có thùng Container số TTCU 9089599.

Xử lý vật chứng:

Ngày 04/8/2024, Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế C1 quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty TNHH T1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương: 01 rơ móc biển kiểm soát 34R-00445, trên rơ móc có thùng Container số TTCU 9089599; 01 giấy phép liên vận số 1389/2023 đối với rơ móc biển kiểm soát 34R – 00445.

Ngày 11/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty TNHH T1, địa chỉ : Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương: 01 xe đầu kéo biển kiểm soát 34F-00941; 01 giấy phép liên vận số 1704/2023 đối với xe đầu kéo biển kiểm soát 34F – 00941.

Số vật chứng còn lại hiện đang bảo quản được chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết.

Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSMH ngày 04/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: một phong bì thư các mép dán kín, trên ghi nội dung “924/KL-KTHS”, niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt; một mảnh giấy bạc; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Võ Văn T: một căn cước công dân số 040091028696 mang tên Võ Văn T; một hộ chiếu số N2462651 mang tên Võ Văn T; một giấy phép lái xe số 400165010779 mang tên Võ Văn T; một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu hồng, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong, số IMEI: 356573084961040. và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- bị cáo T không có ý kiến gì quyết định truy tố VKSND huyện Minh Hóa và bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép ma túy của mình.

- bị cáo T trình bày lời nói sau cùng: bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội chăm sóc vợ, con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát huyện M, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 11 giờ 10 phút, ngày 31/7/2024, tại luồng nhập cảnh Nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu Quốc tế C1 thuộc xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình, Võ Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,423 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cá nhân thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự thì *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;... ”

Như vậy hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa truy tố bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, ma túy là nguyên nhân của các loại tội phạm, làm suy thoái nhân cách, phẩm giá, gây xói mòn đạo lý, kinh tế xã hội. Bị cáo biết mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì xem thường pháp luật nên bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: không

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt chính: cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là lao động tự do đang nuôi hai con nhỏ vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: việc trả lại vật chứng của Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế C1 và cơ quan CSĐT công an huyện M là đúng quy định của pháp luật. Đối với các vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: một phong bì thư các mép dán kín, trên ghi nội dung “924/KL-KTHS”, niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt; một mảnh giấy bạc; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Võ Văn T: một căn cước công dân số 040091028696 mang tên Võ Văn T; một hộ chiếu số N2462651 mang tên Võ Văn T; một giấy phép lái xe số 400165010779 mang tên Võ Văn T; một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu hồng, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong, số IMEI: 356573084961040.

[8] Về án phí: bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

[10] Trong vụ án này còn có người đàn ông đã bán ma túy cho T ở nước Lào, tuy nhiên do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đó nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh đối tượng trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo Võ Văn T 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: một phong bì thư các mép dán kín, trên ghi nội dung “924/KL-KTHS”, niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt; một mảnh giấy bạc.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Võ Văn T: một căn cước công dân số 040091028696 mang tên Võ Văn T; một hộ chiếu số N2462651 mang tên Võ Văn T; một giấy phép lái xe số 400165010779 mang tên Võ Văn T; một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu hồng, đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong, số IMEI: 356573084961040.

Số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận hồ sơ vật chứng ngày 13/11/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2024). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CQCSĐT Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

